

**Phụ lục I**  
**DANH SÁCH CÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG, LÀNG NGHỀ VÀ**  
**LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐÃ ĐƯỢC CÔNG NHẬN<sup>1</sup>**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

<b>TT</b>	<b>Tên danh hiệu</b>	<b>Địa phương</b>
<b>I</b>	<b>Nghề truyền thống</b>	
1	Nghề Rèn Cầu Vực	Phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy
2	Nghề Mè xừng Huế	Thành phố Huế
3	Nghề Hương trầm Thủy Xuân	Phường Thủy Xuân, thành phố Huế
4	Nghề bánh tét, bánh chưng Phú Dương	Xã Phú Dương, thành phố Huế
5	Nghề nón lá Vân Thê	Làng Vân Thê, xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy
6	Nghề dệt dèng A Roàng	Xã A Roàng, huyện A Lưới
<b>II</b>	<b>Làng nghề</b>	
1	Làng nghề bún bánh Ô Sa	Xã Quảng Vinh, huyện Quảng Điền
2	Làng nghề chế biến mắm, nước mắm Tân Thành	Xã Quảng Công, huyện Quảng Điền
3	Làng nghề đan lát mây tre Thủy Lập	Xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền
4	Làng nghề trồng nấm rơm Lê Xá Đông	Xã Phú Lương, huyện Phú Vang
5	Làng nghề mộc An Bình	Phường Hương Hồ, thành phố Huế
6	Làng nghề chế biến thủy hải sản Phụ An	Xã Vinh Hiền, huyện Phú Lộc
7	Làng nghề nước mắm Làng Trài	Xã Phú Hải, huyện Phú Vang
8	Làng nghề nước mắm An Dương	Xã Phú Thuận, huyện Phú Vang
9	Làng nghề chổi đót Thanh Lam	Phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy
10	Làng nghề tắm hương Vỹ Dạ	Xã Thủy Bằng, thành phố Huế
<b>III</b>	<b>Làng nghề truyền thống</b>	
1	Làng nghề Đúc đồng Huế	Phường Đúc và Thủy Xuân, Thành phố Huế
2	Làng nghề Đan lát mây tre Bao La	Xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền

<sup>1</sup> Đến thời điểm ban hành Kế hoạch

<b>TT</b>	<b>Tên danh hiệu</b>	<b>Địa phương</b>
3	Làng nghề Hoa giấy Thanh Tiên	Xã Phú Mậu, thành phố Huế
4	Làng nghề Nón lá Mỹ Lâm	Xã Phú Mỹ, huyện Phú Vang
5	Làng nghề bánh tráng, bánh ướt Lựu Bảo	Phường Hương Hồ, thành phố Huế
6	Làng nghề Bún tươi Vân Cù	Xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà
7	Làng nghề sản xuất, chế biến, dịch vụ dầu trầm Nước Ngọt	Xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc
8	Làng nghề Gốm Phước Tích	Xã Phong Hoà, huyện Phong Điền
9	Làng nghề Điêu khắc gỗ Mỹ Xuyên	Xã Phong Hoà, huyện Phong Điền
10	Làng nghề Đệm bàng Phò Trạch	Xã Phong Bình, huyện Phong Điền
11	Làng nghề nón lá Thanh Tân	Xã Phong Sơn, huyện Phong Điền
12	Làng nghề rèn Hiền Lương	Xã Phong Hiền, huyện Phong Điền
13	Làng nghề đan lưới Vân Trình	Xã Phong Bình, huyện Phong Điền
14	Làng nghề tranh dân gian Làng Sình	Xã Phú Mậu, thành phố Huế
15	Làng nghề dệt dèng A Đốt	Xã Lâm Đốt, huyện A Lưới
16	Làng nghề dệt dèng A Hư	Xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới
17	Làng nghề Mai cảnh Thế Chí Tây	Xã Điền Hòa, huyện Phong Điền
18	Làng nghề Chế biến nước mắm Hải Nhuận	Xã Phong Hải, huyện Phong Điền
19	Làng nghề dệt dèng A Rùm	Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới
20	Làng nghề bánh bèo, nậm, lọc Đức Bưu	Phường Hương Sơ, thành phố Huế

**Phụ lục II**  
**CÁC NGHỀ, LÀNG NGHỀ CẦN KHÔI PHỤC, BẢO TỒN VÀ**  
**CÓ NGUY CƠ MẠI MỘT, THẤT TRUYỀN**  
(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

<b>TT</b>	<b>Danh mục nghề làng nghề theo địa phương</b>	<b>Nghề, làng nghề có nguy cơ mai một, cần khôi phục</b>
<b>I</b>	<b>Huyện A Lưới</b>	
1	Làng nghề dệt dèng A Đót, xã Lâm Đót, huyện A Lưới	x
2	Làng nghề dệt dèng A Rùm, thị trấn A Lưới	x
3	Nghề dệt dèng A Roàng	x
4	Làng nghề dệt dèng A Hưa, xã Quảng Nhâm	x
5	Nghề chổi đót thôn A Lưới, xã Quảng Nhâm	x
6	Làng nghề dệt dèng Quảng Nhâm	x
7	Nghề đan gùi Quảng Nhâm	x
8	Nghề đan lát A Ka, xã A Roàng	x
9	Nghề dệt dèng A Ngo	x
<b>II</b>	<b>Thị xã Hương Trà</b>	
1	Nghề ép dầu lạc Văn Xá, phường Hương Văn	x
2	Nghề bánh gói Hương Cồn, xã Hương Toàn	x
3	Nghề cốm An Thuận, xã Hương Toàn	x
<b>III</b>	<b>Huyện Phong Điền</b>	
1	Làng nghề Gốm Phước Tích	x
2	Làng nghề rèn Hiền Lương	x
<b>IV</b>	<b>Huyện Phú Lộc</b>	
1	Làng nghề chế biến thủy hải sản Phú An	x
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Vang</b>	
1	Làng nghề bánh chưng, bánh tét An Truyền, xã Phú An	x
<b>VI</b>	<b>Thành phố Huế</b>	
1	Nghề rèn Bao Vinh, phường Hương Vinh	x

**Phụ lục III**  
**CÁC NGHỀ TRUYỀN THỐNG ĐỦ TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN MỚI ĐẾN 2025, 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Danh mục nghề theo địa phương	Đến 2025	Đến 2030
<b>I</b>	<b>Huyện A Lưới</b>		
1	Nghề đan gùi Quảng Nhâm	x	
2	Nghề đan lát A Ka, xã A Roàng		x
<b>II</b>	<b>Thị xã Hương Trà</b>		
1	Nghề ép dầu lạc Văn Xá, phường Hương Văn	x	
2	Nghề bánh gói Hương Càn, xã Hương Toàn	x	
3	Nghề cốm An Thuận, xã Hương Toàn	x	
<b>III</b>	<b>Thị xã Hương Thủy</b>		
1	Nghề bánh khô Phù Bài, Thủy Phù		x
<b>IV</b>	<b>Huyện Quảng Điền</b>		
1	Nghề chằm nón Hạ Lang, xã Quảng Phú	x	
<b>V</b>	<b>Huyện Phong Điền</b>		
1	Nghề tương măng Lưu Hiền Hòa, xã Phong Mỹ	x	
2	Nghề nấu rượu Phong Chương, Mỹ Phú, Phong Chương		x
<b>VI</b>	<b>Huyện Phú Lộc</b>		
1	Nghề chế biến mắm các loại Xuân Lai, Lộc An		x
2	Nghề mắm sò Lăng Cô, thị trấn Lăng Cô	x	
3	Nghề bánh lọc Truôi, thôn Đông An, xã Lộc Điền		x
<b>VII</b>	<b>Huyện Phú Vang</b>		
1	Nghề chế biến mắm các loại Phú Diên		x
2	Nghề nước ớt Phú Diên		x
3	Nghề bánh ép Vinh An	x	
4	Nghề bánh chưng, bánh tét An Truyền, Phú An		x
5	Nghề bánh khoái cá Kinh, Phú An	x	
<b>VIII</b>	<b>Thành phố Huế</b>		
1	Nghề Mộc mỹ nghệ Dương Nỗ, Phú Dương	x	
2	Nghề rèn Bao Vinh, phường Hương Vinh		x
3	Nghề làm đầu lân Huế		x
4	Nghề điều Huế	x	
5	Nghề may áo dài Huế	x	
6	Nghề phân nụ Huế	x	
7	Nghề Pháp lam		x
8	Nghề Thêu Huế		x

**Phụ lục IV**  
**CÁC LÀNG NGHỀ ĐỦ TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN MỚI ĐẾN 2025, 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

STT	Danh mục làng nghề theo địa phương	Đến 2025	Đến 2030
<b>I</b>	<b>Huyện A Lưới</b>		
1	Làng nghề chổi đót thôn A Lưới, xã Quảng Nhâm	x	
<b>II</b>	<b>Thị xã Hương Thủy</b>		
1	Làng nghề Tăm hương Dương Hòa, Thủy Bằng	x	
2	Làng nghề nắm rơm, Lương Hậu, phường Thủy Lương		x
3	Làng nghề nắm rơm, Làng Lợi Nông, phường Thủy Châu		x
<b>III</b>	<b>Huyện Quảng Điền</b>		
1	Làng nghề chế biến thủy hải sản Hải Thành, xã Quảng Công	x	
2	Làng nghề chế biến thủy hải sản Cường Giáng, xã Quảng Công		x
3	Làng nghề mai vàng Đông Xuyên, xã Quảng An		x
4	Làng nghề chế biến nước mắm Tây Hải, Quảng Ngạn	x	
5	Làng nghề chế biến nước mắm Tân Mỹ, Quảng Ngạn		x
<b>IV</b>	<b>Huyện Phong Điền</b>		
1	Làng nghề chằm nón Bến Cui, Thôn Bến Cui, xã Phong Xuân		x
<b>V</b>	<b>Huyện Phú Vang</b>		
1	Làng nghề mắm dưa cà Vinh An	x	
2	Làng nghề ớt, nước ớt Vinh Xuân	x	

**Phụ lục V**  
**CÁC LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG**  
**ĐỦ TIÊU CHÍ CÔNG NHẬN MỚI ĐẾN 2025, 2030**  
(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

<b>STT</b>	<b>Danh mục làng nghề theo địa phương</b>	<b>Đến 2025</b>	<b>Đến 2030</b>
<b>I</b>	<b>Huyện A Lưới</b>		
1	Làng nghề dệt dèng Quảng Nhâm	x	
2	Làng nghề dệt dèng A Ngo		x
<b>II</b>	<b>Huyện Quảng Điền</b>		
1	Làng nghề mây tre đan Thủy Lập, xã Quảng Lợi	x	
2	Làng nghề bún Ô Sa, Quảng Vinh		x
<b>III</b>	<b>Huyện Phú Vang</b>		
1	Làng nghề ớt, nước ớt Vinh Xuân		x

**Phụ lục VI**  
**KHAI TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH**  
(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023  
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

Đơn vị tính: Tỷ đồng.

TT	Nội dung	Tổng nhu cầu 2024-2030 (7 năm)	Kinh phí 1 năm (2024)	Trong đó		
				Vốn hỗ trợ từ ngân sách		Vốn đối ứng của các cơ sở nghề, làng nghề
				Trung ương	Tỉnh	
1	Công nhận làng nghề	1,96	0,28		1,96	0,00
2	Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn	10,50	1,50	3,15	2,10	5,25
3	Hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn	30,59	4,37	10,65	6,30	13,65
3.1	Chi điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống	0,70	0,10	0,35	0,35	0,00
3.2	Chi hỗ trợ đào tạo tập huấn	2,59	0,37	1,30	1,30	0,00
3.3	Hỗ trợ đầu tư khoa học kỹ thuật, công nghệ; máy móc	18,90	2,70	6,30	3,15	9,45
3.4	Chi xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu	6,30	0,90	2,10	1,05	3,15
3.5	Hỗ trợ xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm	2,10	0,30	0,6	0,45	1,05
4	Tham gia các hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu ...	6,51	0,93	2,28	2,28	1,95
5	Tham quan học tập kinh nghiệm	0,70	0,10	0,35	0,35	-
6	Chuyên đổi số	0,70	0,10	0,35	0,35	-
7	Xúc tiến quảng bá về sản phẩm du lịch nghề, làng nghề truyền thống Huế tại các sự kiện, hội thảo du lịch	0,84	0,12	-	0,84	-
8	Tổ chức khảo sát tua, tuyến sản phẩm du lịch nghề, làng nghề truyền thống	0,7	0,1	-	0,7	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52,50</b>	<b>7,50</b>	<b>16,77</b>	<b>14,87</b>	<b>20,85</b>

**Phụ lục VII**  
**KHÁI TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH PHÂN THEO GIAI ĐOẠN**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 410 /KH-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023*  
*của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng.*

TT	Nội dung	Tổng nhu cầu 2024-2030 (7 năm)	Vốn của Trung ương		Vốn của Tỉnh		Vốn đối ứng của cơ sở nghề và làng nghề	
			2024-2025	2026-2030	2024-2025	2026-2030	2024-2025	2026-2030
1	Công nhận làng nghề	1,96	-	-	0,81	1,15	-	
2	Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn	10,5	0,95	2,21	0,63	1,47	1,58	3,68
3	Hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn	30,59	3,19	7,46	1,88	4,41	4,10	9,56
3.1	Chi điều tra, rà soát, thống kê, đánh giá, phân loại danh mục các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống	0,70	0,10	0,25	0,10	0,25	0	0
3.2	Chi hỗ trợ đào tạo tập huấn	2,59	0,39	0,91	0,39	0,91	0	0
3.3	Hỗ trợ đầu tư khoa học kỹ thuật, công nghệ; máy móc	18,90	1,89	4,41	0,95	2,21	2,84	6,62
3.4	Chi xây dựng thương hiệu, hệ thống truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, bộ nhận diện thương hiệu	6,30	0,63	1,47	0,32	0,74	0,95	2,21
3.5	Hỗ trợ xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm	2,10	0,18	0,42	0,14	0,32	0,32	0,74
4	Tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại (Hội chợ, triển lãm, hội nghị giao thương, kết nối cung cầu ...)	6,51	0,65	1,63	0,65	1,63	0,56	1,4
5	Tham quan học tập kinh nghiệm	0,70	0,10	0,25	0,10	0,25	-	-
6	Chuyển đổi số	0,70	0,10	0,25	0,10	0,25	-	-
7	Xúc tiến quảng bá về sản phẩm du lịch nghề, làng nghề truyền thống Huế tại các sự kiện, hội thảo du lịch	0,84	-	-	0,24	0,6	-	-
8	Tổ chức khảo sát tua, tuyến sản phẩm du lịch nghề, làng nghề truyền thống	0,7	-	-	0,2	0,5	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>52,50</b>	4,98	11,79	4,61	10,26	6,23	14,63